

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 16/5/2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Nguyệt
Ông Mai Nam Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham dự phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện TH bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐ-PT ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh T, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1993. Có mặt.
Nơi ở: Thôn XN3, xã TV, huyện TH, tỉnh T.
Nơi làm việc: LK 14 Khu nhà ở sinh thái xanh FLC, phường ĐV, thành phố T, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp: Các Luật sư Vũ Văn Trà, Lê Thị Thoa - Công ty Luật TNHH ST thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. Địa chỉ: LK 04 Khu nhà ở sinh thái xanh FLC, phường ĐV, thành phố T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn CV, xã TV, huyện TH, tỉnh T.
Nơi ở hiện nay: Số 38 MK, phường L, thành phố T, tỉnh T.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Lê Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện TH, tỉnh T vào ngày 10/8/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, mệt mỏi không còn yêu thương nhau, anh T1 bỏ mặc không quan tâm chị, say rượu, lơ đãng cờ bạc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 20/3/2021 và cháu Nguyễn Mỹ H1, sinh ngày 18/02/2023. Chị H đề nghị được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện TH, tỉnh T vào ngày 10/8/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi lộn, vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không cải thiện được tình cảm, anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2024, chị H có biểu hiện ngoại tình với người khác giới ở nơi làm việc nên mâu thuẫn càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T1 đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 20/3/2021 và cháu Nguyễn Mỹ H1, sinh ngày 18/02/2023. Anh T1 đề nghị giao cả 02 con chung cho anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh T đã căn cứ: Điều 55, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 20/3/2021 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Nguyễn Mỹ H1, sinh ngày 18/02/2023 cho chị Lê Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng; Chị H và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

4. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/3/2025, chị Lê Thị Thanh H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cả hai con chung của vợ chồng là các cháu Nguyễn Nhật M, Nguyễn Mỹ H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Ý kiến của chị H và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H: Anh T1 là người kinh doanh toàn thời gian nên không có thời gian chăm sóc con; vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2024 một mình chị H đưa hai con về bên ngoại nuôi cho đến nay, bố mẹ chị H có nhà ở, có điều kiện hỗ trợ chăm sóc các cháu; anh T1 có xu hướng bạo lực, đánh đập chị H trước mặt các con nhỏ gây ảnh hưởng xấu đến tâm sinh lý của các cháu nên không đủ tư cách nuôi con; thu nhập của anh T1 bấp bênh không ổn định; thu nhập của chị H ổn định và cao hơn. Đề nghị chấp nhận kháng cáo, giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng.

- Ý kiến của anh Tuấn: Tôi mở cửa hàng và kinh doanh từ năm 2016 trước khi kết hôn với cô H, sau khi kết hôn vợ chồng tôi cùng nhau kinh doanh và sinh sống tại nhà tôi thuê, khi vợ tôi sinh con, mẹ đẻ tôi xuống ở để hỗ trợ chăm sóc cô H và các con tôi; giữa năm 2024 khi vợ chồng trực trặc cô H mới xin việc ở chỗ làm hiện nay và có biểu hiện tình cảm với người khác; tôi không hề đánh đập cô H hoặc các con; khi chúng tôi ly thân tôi vẫn chuyển tiền vào tài khoản của cô H để nuôi con, tôi mua đồ ăn, đồ dùng cho các con, nhưng việc thăm nom con của tôi bị hạn chế vì phía gia đình cô H cản trở.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T: Quá trình Tòa án thụ lý, xét xử vụ án theo đúng trình tự quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Kháng cáo của chị Lê Thị Thanh H yêu cầu giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm; chị H phải chịu án phí phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự tranh luận và quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 272; Điều 273 và Điều 276 BLTTDS. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn được xem xét để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Lê Thị Thanh H:

Tại các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chị H và anh T1 đều thống nhất anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 20/3/2021 và cháu Nguyễn Mỹ H1, sinh ngày 18/02/2023. Từ khi vợ chồng sống ly thân, hai cháu ở với chị H tại nhà bố mẹ đẻ của chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cho anh chị mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung. Chị H kháng cáo đề nghị được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con chung của anh T1, chị H:

Về nơi ở: Trước khi vợ chồng ly thân, anh T1, chị H và 02 con sống tại nơi anh T1 thuê nhà để kinh doanh ở thành phố T, có mẹ đẻ anh T1 hỗ trợ chăm sóc các con chung của anh chị. Từ khi anh chị ly thân (khoảng giữa năm 2024), chị H đưa 02 con về sống cùng bố mẹ đẻ của chị tại xã TD, huyện TH. Hiện nay, chị H và anh T1 đều đang làm việc tại thành phố T, anh T1 thuê nhà để làm nghề và sinh sống tại thành phố T.

Về thu nhập: Theo tài liệu các đương sự xuất trình và trình bày thì nghề nghiệp của anh T1, chị H đều có mức thu nhập ổn định, đủ để đảm bảo nuôi dưỡng con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H trình bày anh T1 có hành vi bạo lực với chị, thường xuyên gây gổ tại nơi chị làm việc, không quan tâm, không có trách nhiệm với các con đặc biệt là sau khi vợ chồng ly thân, thường xuyên chơi lô đề, uống rượu say xỉn. Tuy nhiên, với các tài liệu chị H xuất trình trong hồ sơ, không

đủ cơ sở xác định anh T1 có hành vi bạo lực gia đình với vợ hoặc các con, ngoài ra anh T1 có chuyển tiền vào tài khoản cho chị H sau khi chị H nhắn tin nhắc nhở về các khoản chi phí của các con. Anh T1 trình bày anh chuyển khoản tiền cho chị H để nuôi các con; chị H cho rằng số tiền anh T1 chuyển vào tài khoản của chị sau khi ly thân là tiền anh chị đang làm ăn trước đó với nhau nên không ghi nội dung nào chuyển tiền để nuôi con, nhưng chị H không chứng minh được việc làm ăn chung giữa chị và anh T1 trong thời kỳ anh chị ly thân. Những mâu thuẫn anh chị trình bày đều xuất phát từ nguyên nhân không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau, nên thường xuyên bất đồng quan điểm, và việc anh T1 không chăm sóc con xảy ra từ thời điểm anh chị ly thân, chị H đưa các con về bố mẹ đẻ sinh sống.

Xét thấy, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị H và anh T1 là chính đáng, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm chung của anh chị sau khi ly hôn. Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nguyện vọng, mức thu nhập, điều kiện hoàn cảnh của anh T1 và chị H để giao cho anh chị mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung sau khi ly hôn, trong đó anh T1 nuôi cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 20/3/2021, chị H nuôi cháu Nguyễn Mỹ H1, sinh ngày 18/02/2023 là phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật, đảm bảo cuộc sống cho các cháu sau khi bố mẹ ly hôn. Chị H kháng cáo cho rằng anh T1 không đủ khả năng kinh tế và không đủ điều kiện để nuôi dạy con, nhưng thực tế chị H đang đi làm công, không chủ động được công việc, phải đi làm xa hơn nên việc giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng sẽ không thể đảm bảo tốt nhất cho các cháu. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của chị H về việc giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Án phí phúc thẩm: Chị H phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Thanh H.
2. Giữ nguyên Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh T về phần con chung:

Giao cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 20/3/2021 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Mỹ H1, sinh ngày 18/02/2023 cho chị Lê Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí phúc thẩm: Chị Lê Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0005194 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh T.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T (P9);
- TAND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP;
- Lưu HSVA; Tòa GD.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)